

Phong Kiều Dạ Bạc và chùa Hàn San

Trong bối cảnh thành Trường An chìm trong cơn tao loạn thì nhà thơ Trương Kế, một đại quan tiền sử Ngự Sử đài, chẳng kịp theo đoàn hộ giá vương tôn lánh nạn mà đành lưu lạc xuống tận miền Giang Nam trên chiếc thuyền phiêu bạt. Một đêm ghé bến Phong Kiều, động mối u hoài chất chứa, gọi cảm cùng ngoại cảnh thê lương, bức xúc viết nên bài thơ tuyệt diệu, vượt qua cả không gian và thời gian, lưu truyền hậu thế:

Phong Kiều Dạ Bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Trương Kế

Dịch nghĩa:

trăng lặn, quạ kêu, sương phủ đầy trời
trong giấc mơ buồn có cây phong ở bến sông và ngọn lửa thuyền chài
chùa Hàn San ở ngoại thành Cô Tô
nửa đêm khách đi thuyền tới nghe thấy tiếng chuông chùa ngân vang

dịch thơ:

Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co
Con thuyền đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San

Bản dịch: Tân Đà

Cuốn "Thơ Đường" của Trần Trọng San có ghi lại có một truyền thuyết khá lãng mạn về bài này. Một đêm trăng, sư cụ trụ trì chùa Hàn San, cảm hứng nghĩ ra hai câu thơ:

Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung
Bán tự ngân câu bán tự cung

Thao thức mãi trong phòng mà sư cụ không nghĩ ra hai câu tiếp. Tự nhiên có tiếng gõ cửa. Thì ra là chú tiểu cũng trần trọc vì 2 câu thơ mình mới nghĩ ra:

Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn
Bán trầm thủy để bán phù không

nhưng cũng không làm tiếp được và xin thầy giúp. Nghe xong, sư cụ mừng quá, quý xuống tạ Phật. Vì quả thật 2 câu thơ của chú tiểu ăn khớp với 2 câu của sư cụ, thành bài tứ tuyệt mà Trần Trọng San đã dịch như sau:

Mông ba, mông bốn, trăng mờ
Nửa đường móc bạc nửa như cung trời
Một bình ngọc trắng chia hai
Nửa chìm đáy nước nửa cài từng không

Làm xong bài thơ này lúc nửa đêm, sư cụ bảo chú tiểu đánh chuông tạ ơn Phật. Tình cờ đêm hôm đó trên

thuyền, thi sĩ Trương Kế cũng không ngủ được vì không nghĩ được câu tiếp cho hai câu "Nguyệt lạc ô đề...". Tự nhiên chuông chùa Hàn San đổ đến, gợi hứng cho thi nhân hoàn tất bài Phong Kiều Dạ Bạc "...Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền .."

Còn chùa Hàn San là một ngôi chùa hẻo lánh ngoài thành Ngô Huyện thuộc tỉnh Giang Tô . Xung quanh bát ngát rừng mai, phía sau dòng sông xanh ngắt lững lờ uốn khúc, giữa hai dãy núi sừng sững vươn mình trong làn mây trắng xóa . Chùa ở bên cầu có cây phong nên gọi là Phong Kiều . Trên sông đêm có ánh lửa chài . Bài thơ của Tần Thục đời Tống có câu : " Ô đề nguyệt lạc kiều biên tự " (Quạ kêu trăng xế chùa bên cầu) và thơ Khang Hữu Vi đời Thanh, có câu "Lãnh tận Hàn San cổ tự phong (Lãnh đến cả cây phong bên chùa cổ Hàn San) đều nói rõ chùa Hàn San bên cầu có cây phong . Như vậy, Giang phong và Ngư hỏa trong bài thơ trên vẫn là cây bên sông và lửa chài, chứ không phải là tên 2 quả núi Giang Phong và Ngư Hỏa như một vài giả thuyết đã nói .

Nhà thơ đời Thanh Vương Ngư Dương, từng đáp thuyền đi Tô Châu, dừng ở bến Phong Kiều, lúc ấy trời xẩm tối, mưa gió đầy trời, họ Vương đã đến bên trước cửa chùa đề hai bài thơ tứ tuyệt :

Nhật mộ đông đường chính lạc triều
Cô bông bạc xứ vũ tiêu tiêu
Sơ chung dạ hỏa Hàn San tự
Ký quá Ngô phong đệ kỷ kiều

Dịch nghĩa:

Chiều tối bờ đông chính lúc thủy triều xuống
Thuyền cô chôn đậu mưa dầm dề
Tiếng chuông thưa, ánh lửa đêm chùa Hàn San
Nhớ đã qua cầu bên cây phong huyện Ngô

Dịch thơ:

Chiều tối thủy triều lắng mé đông
Mưa vương lất phất đậu cô bông
Hàn San ánh lửa chuông thưa thớt
Ngô huyện qua cầu kể ngọn phong

Bản dịch: NDD

Phong diệp tiêu tiêu thủy dịch không
Ly cư thiên lý trưởng nan đông
Thập niên cừ ước Giang Nam mộng
Độc thánh Hàn San bán dạ chung

dịch nghĩa:

Lá phong hiu hắt bến nước vắng không
Lìa quê nghìn dặm lòng buồn nhớ khó khuây
Mười năm ước cũ mộng về Giang Nam
Một mình nghe tiếng chuông chùa Hàn San lúc nửa đêm

Bến vắng rào rào trút lá phong
Nhớ quê vạn lý khó khuây lòng
Giang Nam hẹn ước mười năm mộng
Chuông đánh, Hàn San đêm quạnh không

Bản dịch: NDD

Đã nói đến Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, không thể không nhắc đến Bạc Tàn Hoài của Đỗ Mục .
Cả hai bài thơ phác họa dưới góc nhìn thi nhân trên con thuyền hững hờ đậu bãi sông . Một bài khi nghe tiếng chuông chùa thanh thoát đưa tới, đã xoa dịu đi nỗi trầm tư muội phiền của kẻ nhất thời bồn tẩu, đang nằm co ro khắc khoải trong khoang thuyền giá lạnh . Còn một bài thì khi nghe khúc hát văng vẳng của cô gái trẻ trên sông vang lên trong khung cảnh đêm khuya tĩnh lặng, mà dường như dấy nên niềm xúc cảm u hoài trong nỗi hận mất nước .

Bạc Tàn Hoài

Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa
Dạ bạc Tàn Hoài cận tửu gia
Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa

Đỗ Mục

Dịch nghĩa:
Khói lan tỏa trên nước lạnh , ánh nguyệt lan trên cát
Buổi đêm đậu thuyền tại bến sông Tàn Hoài cạnh quán rượu
Cô gái trẻ không biết đến nỗi hận mất nước
Ở bên kia sông còn hát khúc Hậu Đình Hoa

Tàn Hoài: tên con sông từ tỉnh Giang Tô chảy lên phía Bắc vào sông Trường Giang.

Hậu Đình Hoa: tên khúc hát làm trong buổi tiệc của vua Trần Hậu Chủ và Trương Quý Phi thời Nam Bắc triều

Dịch thơ :

Thuyền Đậu Sông Tàn Hoài

Khói trùm nước lạnh, trăng lồng cát;
Thuyền đậu Tàn Hoài, cạnh tửu gia.
Cô gái không hay buồn nước mất,
Bên sông còn hát Hậu Đình Hoa

bản dịch Trần Trọng San

Khói lan phẳng phất trên mặt nước, ánh trăng soi bóng trên mặt cát, thuyền nhẹ lững lờ đậu cạnh quán rượu . Cảnh trăng khuya mới tĩnh mịch làm sao . Bỗng bên kia sông vang lên một tiếng hát văng vẳng . Khúc hát trong những buổi yến tiệc vui chơi mà khiến lòng thi nhân chua xót như oán trách ai vô tình khi bồi hồi nghĩ đến nỗi hận mất nước